

**TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**

**GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO:  
TỪ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA ĐẾN  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ĐỖ QUANG HUNG<sup>(\*)</sup>

***Nhập đề***

Nhà nước ta kể từ khi ra đời sau Cách mạng tháng Tám 1945, trong quá trình xây dựng và trưởng thành, luôn phải đối đầu với nhiều vấn đề lớn về chính trị, xã hội, văn hóa, trong khung cảnh cuộc *đổi đời vĩ đại* của một dân tộc, từ thân phận một nước nô lệ nhược tiểu, trở thành nước CHXHCN Việt Nam có vị thế ngày càng to lớn trên trường Quốc tế.

Một trong những vấn đề như thế là việc giải quyết vấn đề tôn giáo. Lẽ dĩ nhiên chính sách tôn giáo luôn được Nhà nước thừa nhận như một *chính sách công* (public policy). Nhưng hơn thế, ở Việt Nam do chỗ một thời gian dài cả dân tộc phải lao vào cuộc đấu tranh bảo vệ và giữ vững chủ quyền độc lập quốc gia, việc hoàn chỉnh và thực thi chính sách đó nhiều lúc diễn ra trong những khung cảnh lịch sử “không bình thường”, một mất một còn.

Trong bài viết này, chúng tôi, một mặt, muốn cố gắng dựng lại trên những nét lớn những nỗ lực của Nhà nước ta trong việc xây dựng và hoàn thiện *chính*

*sách tôn giáo* với những chiều kích chủ yếu của nó (mô hình *Nhà nước thế tục*, hệ thống luật pháp về tôn giáo, các chính sách cụ thể để điều tiết các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng, cho đến các chính sách chính trị, xã hội và văn hóa khác nhằm lôi cuốn cộng đồng các tôn giáo vào dòng chảy của tiến trình xây dựng đất nước, cho tới công tác quản lí). Đồng thời, chúng tôi cũng cố gắng hướng tới việc đúc rút những kinh nghiệm lịch sử của quá trình ấy, đặc biệt trong gần 20 năm đổi mới đường lối và chính sách tôn giáo hiện nay.

Chúng tôi nghĩ rằng, trong những thành tựu to lớn của Nhà nước ta, chủ thể quản lí và tập trung quyền lực của dân tộc, không thể không nhắc đến những thành tựu trên lĩnh vực này. Bởi vì, nói cho cùng, dù cách nhìn nhận những thực tại tôn giáo có khác nhau, nhưng nó vẫn là một thực tại xã hội văn hóa đặc biệt, ít hay nhiều có quyết định đến căn tính, văn hóa dân tộc cũng như sự phát triển đất nước một cách bền vững. Thành tựu

\*. GS. TS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

của chính sách này có thể chưa nổi bật trên các phương tiện thông tin đại chúng như nhiều lĩnh vực chính trị - xã hội - văn hóa khác của đất nước 65 năm qua, nhưng ta lại không thể bỏ qua nó.

### 1. Vấn đề tôn giáo trong đêm trước của cuộc Cách mạng

Có một điểm đáng chú ý, ngay từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam mới ra đời trong hàng loạt những nỗ lực để tuyên truyền phổ biến đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, từ *Đường Kách mệnh*, *Chính cương Sách lược vắn tắt* (3/2/1930), *Luận cương Chính trị* (10/1930) đến các văn bản chính trị sau này của Đảng ta trong cuộc vận động cách mạng tháng Tám, dù không chiếm vị trí lớn, gay gắt và thường xuyên, nhưng vấn đề tôn giáo vẫn luôn có trong ý thức tư tưởng của những người lãnh đạo.

Một mặt, trong bối cảnh phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó, trước hết trong nội bộ Quốc tế Cộng sản, đang chịu những ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng tả khuynh về vấn đề tôn giáo, những người mác-xít Việt Nam cũng không thể không có những cái nhìn hạn chế như vậy. Chúng tôi mới đây đã công bố một tài liệu hiếm hoi liên quan đến ý kiến của Lê Hồng Phong phê bình căn bệnh phiến diện tả khuynh về tôn giáo của Xứ ủy Nam Kỳ. Ngoài việc phê bình nhận thức có nhiều hạn chế ấy của Xứ ủy trong tập sách *Những gốc rễ của tôn giáo*, Lê Hồng Phong còn bình luận và phê bình những quan điểm về mặt chính trị tôn giáo khi tài liệu này cho rằng: "... Mặc dù có ít người theo đạo Kitô (ở Nam Bộ, ĐQH) nhưng những tín đồ của tôn giáo này phần lớn lại đi theo chủ nghĩa đế quốc" và "Nếu không tiêu diệt tôn giáo

trong quần chúng thì cách mạng không thể thắng lợi được". Khi giới thiệu tài liệu quý báu này của Lê Hồng Phong, chúng tôi đã nhấn mạnh rằng: "Mặc dù giai đoạn trước 1945 những người cách mạng Việt Nam có mối bận tâm lớn nhất là cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân nhưng đã có không ít những nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam đã có được những quan điểm đúng đắn vượt trội về tôn giáo, điều mà trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lúc đó không phải Đảng Cộng sản nào cũng có được"<sup>(1)</sup>.

Nhưng mặt khác, phải khẳng định rằng, suy nghĩ chủ đạo hơn của Đảng ta lúc đó là sớm có được cái nhìn tỉnh táo về chính trị và phương pháp tư tưởng, thấy được sự khác biệt giữa các hệ tư tưởng, ý thức và tôn giáo, thấy rõ sự nguy hại của những âm mưu thủ đoạn lợi dụng các vấn đề tôn giáo của thực dân và tay sai. Đồng thời, cũng thấy được khả năng cách mạng không nhỏ của quần chúng có đạo.

Ngoài những luận điểm, nhận định đúng đắn, sâu sắc của Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Cừ, Lê Hồng Phong về tôn giáo nước ta, cho đến những ý kiến của Trường Chinh, Nguyễn Văn Nguyễn ngay sau Cách mạng tháng Tám, nhiều văn kiện của Đảng ta trong thời kỳ vận động Cách mạng tháng Tám cũng đã chú trọng điều này. Tập trung nhất là thái độ của Đảng ta với các tôn giáo trong chủ trương lớn thành lập Mặt trận Việt Minh.

1. Xem bài: *Mấy ý kiến của Lê Hồng Phong về vấn đề tôn giáo*, trong cuốn *Nghiên cứu tôn giáo, nhân vật và sự kiện*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, tái bản lần I, 2010, tr. 56. Tài liệu gốc, Tiếng Nga, lưu trữ Quốc tế Cộng sản, Mátxcova, kí hiệu 459-201-46, Hồ sơ lưu trữ cá nhân của Lê Hồng Phong.

Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám thực sự là cuộc nổi dậy của toàn dân tộc trong đó có những đóng góp nhất định của đồng bào các tôn giáo. Ngay trước cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám, tại căn cứ địa Việt Bắc, khi khai mạc *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, người ta thấy, trong 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, đại biểu từ Bắc, Trung, Nam, có không ít đại biểu các dân tộc và tôn giáo<sup>(2)</sup>.

Ngược lại, thái độ hồ hởi, dứt khoát trong sự lựa chọn thái độ của đồng bào các tôn giáo cũng sớm được bộc lộ. Trong những ngày Tổng khởi nghĩa tháng Tám, lần đầu tiên trên các tờ báo như *Đa Minh* (Công giáo), *Tiếng chuông sớm* (Phật giáo) đã xuất hiện những bài viết đầy thiện cảm với dân tộc và cách mạng.

Có thể rút ra một nhận xét: Cách mạng tháng Tám ở Việt Nam, xét ở góc độ dân tộc và tôn giáo, dường như có biến diễn tích cực, suôn sẻ, đã xuất hiện khả năng “vấn đề tôn giáo sẽ ổn thỏa, không có gì phức tạp trong quá trình giành, giữ chính quyền”, điều mà không phải cách mạng nước nào cũng có được. Ở đây, cũng cần nói thêm rằng, hình ảnh Hồ Chí Minh đã có sức thu hút và quyết định không nhỏ.

## **2. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với vấn đề tôn giáo**

**2.1. Thành tựu đầu tiên** trong chính sách tôn giáo của Chính phủ Hồ Chí Minh, đó là sớm xác định vị trí quan trọng của chính sách này. Trong 6 vấn đề cấp bách, Chính phủ đã coi việc công khai thái độ của mình với vấn đề tín ngưỡng tôn giáo là một trong số ấy, như tuyên bố của Hồ Chí Minh: “Thực dân

phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ra tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”<sup>(3)</sup>.

Mặc dù Chính phủ Lâm thời ngay trong tháng 9 đã đối đầu với nhiều thách đố quốc kế dân sinh, nhưng đã có không ít phiên họp của Chính phủ đề cập đến những vấn đề cụ thể hơn trong chính sách tôn giáo. Biên bản phiên họp ngày 20/9/1945 ghi rõ: “Xét quyền tự do tín ngưỡng là một nguyên tắc của chính thể dân chủ cộng hòa, Chính phủ ra lệnh: *Điều thứ nhất*, đền, chùa, lăng tẩm, nhà thờ, tất cả những nơi có tính cách tôn giáo, bất cứ tôn giáo nào, nhân dân đều phải tôn trọng, không được xâm phạm”<sup>(4)</sup>.

**2.2. Thứ hai**, nhận thấy việc tuyên truyền, giáo dục về chính sách cũng như nâng cao nhận thức của quần chúng trong việc đoàn kết lương - giáo là hết sức cấp bách lúc đó, nhiều nhà lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã kịp thời có những bài viết quan trọng, cởi gỡ những vướng mắc, vạch trần những âm mưu lợi dụng tôn giáo của kẻ thù.

Trên tờ *Sự thật* số 30 (ngày 6/4/1946), dưới bút danh T.C, Trường Chinh có một bài viết quan trọng có tên là: *Đánh đổ khuynh hướng sai lầm, Đừng xâm phạm đến tín ngưỡng của dân* là một ví dụ tiêu biểu. Tác giả không chỉ phê phán “những căn bệnh ấu trĩ tả khuynh” về tôn giáo bộc lộ ngay ở nhiều địa phương quanh

2. *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1994, tr. 19.

3. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, tập 4, tr. 7-8.

4. Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, tập *Sắc lệnh của Chủ tịch Việt Nam 1945-1946*, Hồ sơ số 97.

Hà Nội, mà còn dự báo rằng, trong những ngày đầu Cách mạng, đây sẽ là vấn đề gai góc mà chính quyền cần quan tâm<sup>(5)</sup>. Cũng phải nói thêm rằng, vấn đề *Cộng sản và Công giáo*, dù sao cũng là vấn đề tôn giáo phức tạp nhất lúc đó. Để bác bỏ những quan điểm vu khống người Cộng sản trong vấn đề tôn giáo, Trường Chinh đã viết bài chính luận, sắc sảo về luận lí, cứ liệu thuyết phục, thái độ chuẩn mực với đầu đề *Cộng sản và Công giáo*, đăng trên *Sự thật* số 105 (25/12/1948).

Đây cũng là khoảng thời gian mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có những bài viết, thư thăm hỏi chúc sắc, đồng bào các tôn giáo (nhất là với Công giáo và Phật giáo) mẫu mực, được các nhà nghiên cứu, bạn đọc lâu nay nghiên ngẫm.

**2.3. Một thành tựu độc đáo khác là** Chính phủ Hồ Chí Minh đã có nhiều sáng kiến trong việc thành lập các tổ chức yêu nước thích hợp với chức sắc đồng bào các tôn giáo, đặc biệt lôi cuốn được nhiều nhân vật tiêu biểu của các tôn giáo tham gia các tổ chức chính trị và quyền lực của Cách mạng.

Cách mạng tháng Tám mà hiện thân của nó là Hồ Chí Minh, tự nó có sức thu hút nhiều nhân vật trí thức, chức sắc tiêu biểu của các tôn giáo tham gia chính quyền như: Cụ Ngô Tử Hạ, Thứ trưởng Bộ Thương binh; Bác sĩ Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ Thương binh (cuối kháng chiến chống Pháp); Luật sư Nguyễn Thành Vinh, Giám đốc Tài chính Nam Bộ, Chủ tịch Công giáo Cứu quốc Nam Bộ; Trần Công Chính, dòng Chúa Cứu Thế Thái Hà ấp, Hà Nội, Bí thư Công giáo Cứu quốc Trung ương; Luật sư Thái Văn Lung, Đại biểu Quốc hội Gia Định, khu phố Quận khu 7, hi sinh

ngay những ngày đầu thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ.

Trong Quốc hội cũng có nhiều nhân vật Công giáo đáng chú ý: Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng (ủy viên chính thức Ban Thường trực Quốc hội); Cụ Ngô Tử Hạ, người đóng vai trò *Chủ tịch* phiên họp đầu tiên của Quốc hội (sáng 2/3/1946); đặc biệt vai trò của Linh mục Phạm Bá Trực, Phó Trưởng ban thường trực Quốc hội từ tháng 12 năm 1946.

Trong Quốc hội kháng chiến còn có Cụ Cao Triều Phát (ủy viên Ban Thường trực) mà cống hiến của nhân vật Cao Đài này đã được ghi nhận từ lâu.

Về hai nhân vật nổi tiếng khác là Lê Hữu Từ và Hồ Ngọc Cẩn, hai vị giám mục cố vấn tối cao của Chính phủ mà hành động và vị thế của họ cũng đã được lịch sử cách mạng nước ta đánh giá rạch ròi.

**2.4. Việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong kháng chiến chống Pháp**, trong những năm tiếp theo, cũng là một đóng góp quan trọng khác của Nhà nước ta.

**2.4.1. Đặc điểm của vấn đề tôn giáo** trong giai đoạn này là, thực dân và đế quốc đã thực sự lôi cuốn được một bộ phận trong các tôn giáo đối đầu với Chính phủ Hồ Chí Minh. Vì thế, chính sách tôn giáo cũng phải có sự thay đổi thích hợp.

Từng bước, Đảng và Nhà nước ta, từ chính sách vĩ mô đã dần có những chính sách cụ thể đối với mỗi tôn giáo như “Công giáo vận”, “Cao Đài vận”, “Hòa Hảo vận”, v.v...

Điểm then chốt của các chính sách này là kiên quyết trấn áp những hành động

5. Xem bài này trong tờ *Sự thật* số ra ngày 6/4/1946, tr. 5.

vũ trang chống Chính phủ của các thế lực thù địch với tôn giáo (Công giáo ở nhiều khu vực trên chiến trường Bắc Bộ); Cao Đài và Hòa Hảo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, v.v... Có lẽ chúng ta cần phải có thêm những công trình nghiên cứu về vấn đề này để làm rõ hơn sự đóng góp, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc hóa giải âm mưu thủ đoạn của các thế lực thực dân - đế quốc, tay sai trong vấn đề tôn giáo thời kì chiến tranh lạnh, góp phần tạo nên những chiến thắng thần kì trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại.

2.4.2. Mặt khác, chúng ta cũng cần phải tiếp tục nghiên cứu những đóng góp của đồng bào có đạo, các chức sắc yêu nước từ Phật giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, đến Công giáo và cả tín hữu Tin Lành. Những đóng góp của người Tin Lành Nam Bộ với kháng chiến chống Pháp còn ít người biết<sup>(6)</sup>.

Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh có sáng kiến triệu tập *Hội nghị Tôn giáo kháng chiến toàn quốc* năm 1952 ở Việt Bắc cũng là một sự kiện quan trọng khẳng định tính đúng đắn của chủ trương đoàn kết dân tộc - tôn giáo.

2.4.3. Cũng không thể bỏ qua được một thành tựu khác của chính sách tôn giáo trong kháng chiến chống thực dân Pháp là Chính phủ Hồ Chí Minh đã có những quyết sách đúng đắn, sáng tạo liên quan đến cộng đồng các tôn giáo khi ban hành hàng loạt các chính sách chính trị - xã hội, kinh tế, văn hóa. Chúng tôi đã lưu tâm đến điều này khi nghiên cứu *Sắc lệnh về miễn thuế đất và hoa màu cho các tổ chức tôn giáo* (1949) và đặc biệt *Luật cải cách ruộng đất* (1952). Hiếm có một nước XHCN nào lúc đó, có được một

chính sách tôn giáo mềm mỏng, đúng mức, có nguyên tắc và hiệu quả như những văn bản này khi mà tôn giáo lại đặt trong những lĩnh vực “có tính nguyên tắc” như vấn đề giai cấp địa chủ và ruộng đất lúc đó.

2.4.4. Như vậy là trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mặc dù chính sách về tôn giáo được thực thi trong những điều kiện có chiến tranh, bảo vệ độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng luôn được đặt lên hàng đầu, nhưng Chính phủ Hồ Chí Minh vẫn có những bước tiến quan trọng trong việc hoạch định, thực thi chính sách này, góp phần không nhỏ cho thắng lợi ở Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954).

Chúng ta cũng chưa có điều kiện để tổng kết những kinh nghiệm về chính sách tôn giáo ở các địa phương, đặc biệt là các Liên khu, mỗi nơi có những đóng góp độc đáo khác nhau.

## 2.5. Về bước tiến triển của chính sách tôn giáo 1954-1976

Trong điều kiện Miền Bắc thực hiện công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, chính sách tôn giáo đã có những bước tiến triển mới.

Chúng tôi, trong một nghiên cứu của mình đã đưa ra ý kiến *Sắc lệnh số 234 - SL* (ngày 14/6/1955) do Chủ tịch Hồ Chí Minh kí, là một văn bản pháp lí có tính nền tảng thực sự cho việc xây dựng luật pháp tôn giáo ở Việt Nam.

Năm chương của văn bản này không những đã đề cập đến những vấn đề cơ

6. Xem bài *Cách mạng và tôn giáo*, lần đầu tiên chúng tôi công bố một số tài liệu gốc liên quan đến *Hội Tin Lành kháng chiến Nam Bộ* (8/1948), trong cuốn *Nghiên cứu tôn giáo, nhân vật và sự kiện*, sđd, tr. 282-283.

bản nhất về *Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo* mà còn là *sự thể chế hóa cơ bản về quyền tự do tôn giáo* theo quan điểm của Việt Nam<sup>(7)</sup>, mà quan trọng hơn, nó còn xác định *mô hình Nhà nước thế tục ở Việt Nam*, điều mà cho đến nay chúng ta vẫn tiếp tục hoàn thiện<sup>(8)</sup>.

Trong giai đoạn này cũng phải kể đến *Thông tư số 60-TTg* (ngày 11/06/1964) và đặc biệt *Nghị quyết số 297-CP* (11/11/1977) về *Một số chính sách đối với tôn giáo* do Thủ tướng Phạm Văn Đồng kí. Các văn bản này, trên cơ sở sắc lệnh trên, đã đưa ra 5 nguyên tắc chung về tự do tôn giáo tín ngưỡng và 6 chính sách cụ thể về các hoạt động tôn giáo của Chính phủ, in rõ dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng.

Đất nước thống nhất và việc đổi tên nước năm 1976 cũng khép lại một giai đoạn lịch sử của sự hình thành và phát triển chính sách tôn giáo ở Việt Nam để bước sang giai đoạn mới.

### **3. Chính sách tôn giáo của nước CHXHCN Việt Nam**

#### **3.1. Nhu cầu của sự điều chỉnh về chính sách tôn giáo**

Trước 1990, nghĩa là trong “đêm trước của sự đổi mới về đường lối chính sách tôn giáo”, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng đã phải đối diện với những vấn đề mới đòi hỏi từng bước có sự điều chỉnh chính sách tôn giáo của mình.

Trước hết là nhu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Mặc dù bước đầu đã khẳng định mô hình nhà nước thế tục của mình, nhưng hệ thống luật pháp về tôn giáo ở nước ta còn có những hạn chế. Từ việc phải tiếp tục thể chế hóa quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng của

người dân, cao nhất là trong Hiến pháp đến những quy định luật pháp cụ thể. Việc quản lí đời sống tôn giáo trước đây chủ yếu chỉ để đáp ứng nhu cầu chính trị, nghĩa là đảm bảo tính ổn định về chính trị xã hội, chống địch lợi dụng, v.v... Nay, nhu cầu về những hành lang pháp lí cho đời sống tôn giáo ở cả ba khâu (theo đạo, hành đạo, và truyền đạo) đều cao hơn, toàn diện hơn.

Như đã nói ở trên, chỉ riêng việc giải quyết vấn đề *pháp nhân tôn giáo* (bao gồm quyền tự do tôn giáo cả về mặt *thể nhân* và *pháp nhân*) trong việc hoàn thiện mô hình Nhà nước thế tục cũng đặt ra ngày một gay gắt.

- Từ phía đời sống tôn giáo, trong xu thế phục hồi và phát triển của tôn giáo từ cuối thế kỉ XX, đặc biệt là hiện tượng phổ biến “tâm thức tôn giáo quay trở lại với loài người”, các tôn giáo Việt Nam

7. Văn bản *Sắc lệnh* này, xem *Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, số tháng 11-1955.

8. Trên thực tế, *Sắc lệnh 234* đã lựa chọn *mô hình III* trong các mô hình của Nhà nước thế tục hiện nay. Đó là mô hình với những nước đa tôn giáo như Việt Nam (còn gọi là *mô hình đa nguyên - pluralism*), trong đó Nhà nước thế tục công nhận một số tôn giáo chính để trực tiếp quản lí, đồng thời tôn trọng các tôn giáo còn lại. Tính đến trước 2005, về cơ bản Nhà nước ta công nhận 6 tôn giáo là: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Islam giáo, Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo. Hiện nay, dù Nhà nước ta đã công nhận 12 tôn giáo với 32 tổ chức tôn giáo, nhưng cơ bản vẫn theo nguyên tắc pháp lí của mô hình trên. 6 tôn giáo mới được công nhận (hoặc đã đăng kí hoạt động) có những tôn giáo thuộc loại hình “tôn giáo mới” như đạo Bha'i, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội,... Riêng đối với đạo Tin Lành, ngoài hệ phái “Tin Lành chính thống” (gọi là Tin Lành C.M.A hay *Hội Thánh Tin Lành Việt Nam*, Nam và Bắc, còn có nhiều hệ phái Tin Lành khác mới được công nhận). Trên thế giới còn có các mô hình Nhà nước thế tục khác như: mô hình Nhà nước tôn giáo - dân tộc (mô hình I), mô hình tôn giáo dân sự (mô hình II) và mô hình Nhà nước thế tục trung lập (mô hình IV).

những năm gần đây đều ổn định và phát triển. Cũng giống như tôn giáo thế giới, nhiều tôn giáo ở Việt Nam cũng đẩy mạnh quá trình hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, tục hóa và giải tục hóa, trong đó đã xuất hiện trạng thái mới của mối quan hệ giữa tôn giáo với Nhà nước.

- Một yêu cầu khác khi mở cửa hội nhập là sự đòi hỏi sự hội nhập quốc tế về luật pháp tôn giáo, trước hết là các Công ước Quốc tế, những tương quan mới trong xu thế toàn cầu hóa và đời sống tôn giáo thế giới hiện nay.

Cùng với sự đổi mới của đất nước mà cánh cửa Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) mở ra, đường lối chính sách tôn giáo ở Việt Nam cũng đã có sự chuyển dịch quan trọng, ít nhất cũng từ cuối 1990 trở lại đây.

### **3.2. Đềm trước của sự đổi mới: đường lối, nhận thức về tôn giáo**

Chính sách tôn giáo ở nước ta chịu ảnh hưởng trực tiếp của *Cương lĩnh 1991*, cụ thể hơn là những luận điểm có tính đột phá của Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị khoá VI về *Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* là dấu mốc mở đầu cho bước ngoặt phát triển về nhận thức.

Lần đầu tiên, Đảng Cộng sản VN, trong một văn kiện của Bộ Chính trị đã thừa nhận tôn giáo là nhu cầu khách quan của một bộ phận nhân dân và nó còn tồn tại lâu dài với chủ nghĩa xã hội; tôn giáo có những giá trị văn hóa và đạo đức phù hợp với chế độ mới, v.v... Cũng lần đầu tiên, Đảng ta đưa ra những nguyên tắc mới trong ứng xử, quản lý các tôn giáo trong đó phải coi nó là công việc của cả hệ thống chính trị.

Thực ra sau đó nhiều năm, Đảng ta còn có những văn bản khác như *Chỉ thị 37* (1998), *Nghị quyết Trung ương 7*, khóa IX (2003) về vấn đề tôn giáo, nhưng phải nói Nghị quyết 24 nói trên vẫn là căn gốc.

### **3.3. Đổi mới chính sách tôn giáo: thành tựu, hiệu quả, những vấn đề đặt ra**

#### **3.3.1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp tôn giáo**

Có thể xem Nghị định số 69/HĐBT ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng *Quy định về các hoạt động tôn giáo* là văn bản mở đầu. Năm 1993, Chính phủ ra Nghị định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan có tầm quan trọng bậc nhất về quản lý nhà nước về tôn giáo: *Ban Tôn giáo của Chính phủ*. Sau đó là nhiều văn bản đều có dấu ấn khác: Nghị định 26 ngày 19/4/1999 của Chính phủ *Về các hoạt động tôn giáo*, Quyết định số 125/2003 ngày 18/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc Phê duyệt chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW 7 (khoá IX) về công tác tôn giáo...*

Đặc biệt, tháng 7/2004, dư luận trong nước và quốc tế rất quan tâm đến sự kiện *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và được ban hành cũng như *Nghị định* của Chính phủ vừa ban hành mới đây (3/2005) *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Về mặt vĩ mô, phải nói sự đổi mới mạnh mẽ của chính sách tôn giáo cũng được bắt nguồn từ tinh thần của Nghị quyết 24 nói trên. Trong đó, cũng là lần đầu tiên, công tác tôn giáo vốn được coi *chủ yếu là công tác đánh địch lợi dụng*, nay được

coi *chủ yếu là công tác vận động quần chúng* (phạm trù công tác dân vận) với luận đề quan trọng: “Thực chất công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng”.

Những văn bản trên đã cho thấy những bước tiến mới sau đây về mặt luật pháp tôn giáo:

- *Thứ nhất*, mối quan hệ giữa Nhà nước và các tôn giáo, nói đúng hơn là *các tổ chức tôn giáo* (Giáo hội, Hội Thánh, Ban Trị sự, Hội đồng Giáo xứ, v.v...) đã được cải thiện căn bản theo hướng pháp quyền. Một mô hình nhà nước thế tục mác xít, về bản chất là nhà nước thế tục vô thần do Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế từ *Sắc lệnh 234 (1955)*, nay đã hiện ra rõ rệt. Mô hình này tỏ ra thích hợp với đời sống tôn giáo ở Việt Nam, được đông đảo đồng bào có đạo và quần chúng nói chung hoan nghênh và bước đầu được thế giới nhìn nhận. Với *Chỉ thị 01* đầu năm 2005, Nhà nước ta đã tiến một bước dài về việc hoàn thiện *mô hình nhà nước thế tục*, mô hình của nhà nước “ưu tiên cho sự đa dạng về tôn giáo”, vượt qua giai đoạn chỉ “thừa nhận sáu tôn giáo chính”, tiến tới việc thừa nhận nhiều tôn giáo và tổ chức tôn giáo mới như hiện nay, trả được “món nợ pháp lí” kéo dài trong việc công nhận các tổ chức tôn giáo.

- *Thứ hai*, về mối quan hệ giữa “hoạt động tôn giáo” và “công tác tôn giáo” cũng được giải quyết tốt hơn. Mối quan hệ này vốn không hề đơn giản vì các “hoạt động tôn giáo” vốn là lợi ích sống còn của các chủ thể tôn giáo, trong khi đó “công tác tôn giáo” lại là vấn đề thuộc phạm trù quản lí nhà nước.

Nhà nước ta hiểu rõ những kinh nghiệm quá khứ, khi mà sự tương tác giữa hai chủ thể “hoạt động tôn giáo” và “công tác tôn giáo” diễn ra không thuận lợi, dẫn đến xung đột, triệt tiêu lẫn nhau. Những thập niên gần đây, mối quan hệ giữa hai chủ thể này đang dần theo hướng Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự.

- *Thứ ba*, vận dụng kinh nghiệm của lịch sử dân tộc và quốc tế về *luật pháp tôn giáo*, bước đầu đã thể hiện sự hội nhập quốc tế về mặt này. *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004* là một thí dụ điển hình. Lần đầu tiên, pháp lệnh đã có hẳn những chương riêng về hoạt động quốc tế của các tôn giáo cũng như sự thể chế hóa quyền *pháp nhân tôn giáo* của các tổ chức tôn giáo, v.v...

Đây cũng là *nét mới* trong chính sách tôn giáo của Nhà nước ta hiện nay, trực tiếp tạo nên bầu không khí phấn khởi trong các chức sắc và tín đồ các tôn giáo.

3.3.2. Như vậy là, việc *hoàn thiện mô hình Nhà nước thế tục* có thể coi là thành tựu quan trọng hàng đầu của chính sách tôn giáo hiện nay. Đây cũng là một vấn đề lớn trên thế giới, khi mà các mô hình *Nhà nước thế tục khả thi* dù có nhiều thành tựu hơn 100 năm qua nhưng vẫn còn nhiều tranh cãi, kể cả mối quan hệ với các mô hình khác của “Nhà nước tôn giáo”.

Trong thành tựu ấy, phải kể đến việc ban hành kịp thời *Chỉ thị 01 về vấn đề đạo Tin Lành* đầu năm 2005 là một dấu mốc quan trọng. Chính nó đã góp phần cởi gỡ nhiều bức xúc của các tổ chức tôn giáo, nhất là các hệ phái Tin Lành, cũng như các “hiện tượng tôn giáo mới” (*Đạo*

la) ở nước ta, mở ra một cục diện mới của *hệ thống tôn giáo* ở Việt Nam, đồng thời cũng góp phần đẩy lùi một bước chiến lược “*tôn giáo - nhân quyền*” của các thế lực thù địch đối với nước ta.

*3.3.3. Chính sách tôn giáo* còn đòi hỏi giải quyết những nhu cầu cụ thể của đời sống tôn giáo với mỗi tôn giáo cụ thể.

Những năm qua, đặc biệt trước và sau khi có *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* năm 2004, từ Trung ương đến địa phương đã thực hiện những chính sách đổi mới về *tài sản và đất đai tôn giáo*, các quy định thông thoáng về việc đăng kí sinh hoạt phụng vụ của các tôn giáo, đặc biệt là những quy định về việc đào tạo và sử dụng, chuyển, ... các chức sắc tôn giáo, tạo nên sự phấn chấn, cởi mở rõ rệt từ phía các cộng đồng tôn giáo.

Lĩnh vực báo chí và truyền thông đại chúng của tôn giáo cũng có những bước tiến nhất định, đặc biệt ở khâu xuất bản sách kinh điển, giáo lí, tuyên truyền, giáo dục về/ của tôn giáo.

Kể cả người nước ngoài đến Việt Nam đều thừa nhận rằng, chưa bao giờ như những thập niên gần đây, bộ mặt tinh thần của đời sống tôn giáo nước ta lại sống động đến như vậy.

*3.3.4. Hoạt động quốc tế của các tôn giáo* cũng là một thành tựu đáng kể trong những năm gần đây. Những bước tiến quan trọng trong việc thúc đẩy tiến trình thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Vatican những năm gần đây có thể coi là biểu hiện quan trọng nhất.

Ngoài ra, phải nói rằng cũng chưa bao giờ như hiện nay, những hoạt động quốc tế của các tôn giáo, đặc biệt là của

Phật giáo với nhiều tầng cấp, quy mô lại diễn ra sôi động như hiện nay.

Nhìn chung, đời sống tôn giáo ở Việt Nam trong những năm đổi mới có nhiều điểm sáng, đường hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc vẫn chế ngự, nhiều tôn giáo đã có thể thích ứng với Chủ nghĩa xã hội, đó cũng là thành công quan trọng nhất của sự đổi mới chính sách tôn giáo của Việt Nam.

Tuy nhiên, những năm qua nhân dân ta vẫn phải đối đầu với những thách thức mới trong vấn đề đoàn kết dân tộc và tôn giáo. Kể từ đầu 2001, lần đầu tiên chúng ta đã phải đương đầu với những cuộc bạo loạn chính trị ở Tây Nguyên của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo và dân tộc trong cái gọi là “Nhà nước Đêga, Tin Lành Đêga), thực chất là việc thực hiện mưu đồ của *Chủ nghĩa Giải Lành thổ*, dựa trên căn bản của *Chủ nghĩa Bản địa Xuyên Quốc gia*, ... ở những dạng tương tự, điều này cũng xảy ra ở một số dân tộc thiểu số khác như với cộng đồng Hmông Tây Bắc,...

Rõ ràng Việt Nam là một trong những nước phải đương đầu với những âm mưu thủ đoạn mới của chiến lược “*tôn giáo - nhân quyền*”, một khó khăn mà chính sách tôn giáo những năm qua phải trải nghiệm.

*3.3.5. Như vậy là việc đổi mới chính sách* tôn giáo hai thập niên qua đã có được những thành tựu quan trọng, được sự tiếp nhận khá hồ hởi của cộng đồng các tôn giáo. Trong đó, còn phải kể đến vai trò của bộ máy quản lí Nhà nước về tôn giáo. Những năm qua, guồng máy này đã có sự trưởng thành nhất định về tri thức và kinh nghiệm quản lí, từ

Trung ương xuống các địa phương. Mới đây Chính phủ đã có những quyết định quan trọng: cho phép Ban Tôn giáo Chính phủ (thuộc Bộ Nội vụ) xúc tiến thành lập Trường Đào tạo Cán bộ Quản lý Nhà nước về Tôn giáo và Viện Nghiên cứu Chính sách Tôn giáo.

Tuy vậy, việc hoàn thiện chính sách tôn giáo chắc hẳn còn đặt ra nhiều vấn đề trước mắt, từ việc xây dựng “cơ sở lý thuyết”, hoàn thiện nội dung, phương thức soạn thảo văn bản pháp luật đến các vấn đề quản lý nó, v.v...

#### 3.4. Những vấn đề đặt ra trong việc tiếp tục việc đổi mới hoàn thiện chính sách tôn giáo

Có một điểm cần lưu ý rằng, từ Đại hội VII (1991) đến Đại hội X (2006), về cơ bản hai luận điểm đổi mới về tôn giáo nói trên của Nghị quyết 24 hoàn toàn chế ngự và được lặp lại. Bên cạnh những mặt thành công đã nêu ở phần trên, rõ ràng đã đến lúc chúng ta phải có những bước tiến mới, kể cả trong tư duy lý luận cũng như thực tiễn.

Theo thiển ý của chúng tôi, trước mắt là các vấn đề sau đây:

*Thứ nhất*, chúng ta đã thừa nhận *tôn giáo còn là một thực tại xã hội*, thậm chí nó có thể đồng hành với dân tộc và với CNXH. Tư duy lý luận của chúng ta phải tiến thêm một bước quan trọng khác, một luận đề có tính “đột phá” khác là, *để tôn giáo - “thực thể xã hội” ấy có thể thích ứng với CNXH phải tạo cho nó khả năng và quyền hạn pháp lý để có thể vừa tham gia tích cực hơn vào một số lĩnh vực xã hội thích hợp, đóng góp vào việc xây dựng phát triển đất nước vừa thoả mãn nhu cầu của bản thân các tôn giáo.*

Tiền đề lý luận khách quan là: trong bối cảnh *toàn cầu hoá, hiện đại hoá*, mọi tôn giáo đều có khuynh hướng trở thành “tôn giáo xã hội”, thích ứng xã hội ngày càng cao. Ở nước ta hiện nay, với con số trên 23 triệu người có tôn giáo, có mặt ở khắp các khu vực của đất nước, tồn tại trong tất cả các dân tộc, tộc người, lại đang trong quá trình *hiện đại hóa tôn giáo*, chưa bao giờ như hiện nay, thực lực xã hội của các tôn giáo đã tăng lên đáng kể.

Khi thừa nhận xu hướng “tôn giáo xã hội”, về mặt lý thuyết, chúng ta đứng trước hai khả năng. Một mặt, các “tôn giáo xã hội” sẽ có điều kiện bộc lộ tích cực năng động hơn những khả năng của các cộng đồng tôn giáo với xã hội hiện nay. Mặt khác, Nhà nước lại đứng trước cục diện mới, trong đó khi các tôn giáo đã “hồi sinh” và phát triển thì tự nó tất yếu cũng sẽ trở thành “những đoàn thể áp lực” với Nhà nước. Điều này các nhà nghiên cứu xã hội học tôn giáo gần đây đã nói đến xu hướng “giải tục hóa” với ý nghĩa như vậy.

*Thứ hai*, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và các giáo hội.

Hiện nay, vấn đề then chốt để tiếp tục đổi mới về tôn giáo là phải đặt *mối quan hệ này trong vấn đề nhà nước pháp quyền*, bình thường hoá và pháp trị. Càng làm tốt điều này, đời sống tôn giáo càng ổn định vững chắc và xây đắp hơn đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo,... Hiện nay nhiều tôn giáo đã thể hiện sự đòi hỏi vị thế “một tôn giáo dân sự”, vì thế trong điều kiện xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền, cũng cần có cái nhìn mới mẻ thông thoáng hơn nữa trong quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức giáo hội.

Văn kiện Đại hội X có nói đến “các tôn giáo hợp pháp” và việc được pháp luật bảo hộ khi các tổ chức tôn giáo ấy “hoạt động theo pháp luật”.

Đây là vấn đề rất quan trọng không chỉ ở góc độ xây dựng nhà nước pháp quyền, mà còn đáp ứng đòi hỏi bức xúc: chỉ có làm tốt công tác hoàn thiện luật pháp tôn giáo mới có thể có điều kiện, phương tiện hữu hiệu làm tốt công tác quản lí nhà nước về tôn giáo.

Ở Việt Nam hiện nay, trước khi nói đến một *bộ luật về tôn giáo* (Các văn bản của Bộ Chính trị khoá IX đã từng nói điều này) thì cấp thiết phải xây dựng, hoàn thiện hơn luật pháp nhân tôn giáo, các chế tài khác liên quan đến đời sống tôn giáo dù chúng ta đã có *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo*. Có như vậy, chúng ta mới có thể hoàn thiện mô hình nhà nước thế tục đã lựa chọn từ những năm đầu hoà bình lập lại sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954). Kinh nghiệm cho thấy, khi lựa chọn mô hình một nhà nước thế tục, điều cấp thiết có tính hệ luận là nhà nước phải có *luật tư cách pháp nhân*, nghĩa là luật công nhận các tổ chức tôn giáo và những định chế về quyền hạn và nghĩa vụ của chúng về phương diện pháp lí. *Chỉ thị 01* đầu năm 2005 nói trên, tuy là sự kiện pháp lí quan trọng về tôn giáo, nhưng chủ yếu nó mới giải quyết câu chuyện của đạo Tin Lành ở nước ta, vì thế cần phải có bước tiến mới về yêu cầu pháp lí tôn giáo cấp thiết này.

*Thứ ba*, việc ổn định đời sống tôn giáo và tạo thêm điều kiện cho các tôn giáo cống hiến khả năng xây dựng, phát triển đất nước là không ngoài quy luật mà tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ ra: luôn luôn duy trì và

phát triển *xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc và CNXH*, đoàn kết dân tộc - tôn giáo trước hết bằng mục tiêu chung, điểm tương đồng giữa lí tưởng tốt đẹp vốn có của các tôn giáo với CNXH, khai thác những giá trị tích cực của các tôn giáo trước hết là các giá trị văn hoá và đạo đức, đồng thời luôn cảnh giác với những âm mưu lợi dụng các tôn giáo vào mục đích chính trị phản dân tộc và CNXH, v.v...

Hiện nay, ở nước ta còn thiếu những công trình nghiên cứu về “tôn giáo đồng hành với dân tộc trong môi trường xã hội chủ nghĩa là như thế nào?”. Như đã nói ở trên, về đại thể, dưới ánh sáng đổi mới của Đảng ta trong nhận thức và hành động, chúng ta đã có những bước *đột phá* quan trọng. Tuy vậy, cũng chưa thể coi như “không còn vấn đề gì” trong lĩnh vực vốn rất phức tạp và nhạy cảm này.

*Thứ tư*, trong sự đổi mới (tiếp tục) về chính sách tôn giáo, phải chăng chúng ta phải thực sự tính đến việc mở rộng hơn ba khu vực cơ bản mà các tôn giáo có nhiều tiềm năng để tham gia:

- Các tổ chức tôn giáo có thể tham gia vào các hoạt động giáo dục đào tạo với tư cách một chủ thể đầu tư, dĩ nhiên là trong khuôn khổ luật giáo dục của Nhà nước. .

- Các tổ chức tôn giáo có thể được tham gia trong các hoạt động y tế, đặc biệt là những “khu vực đặc biệt” (các bệnh viện chuyên biệt cho các bệnh nan y, nhà thương làm phúc, các cơ sở y tế khám chữa bệnh khác, v.v...) với tư cách là một chủ thể đầu tư.

- Về hoạt động từ thiện, đây vốn là một mặt mạnh của các tổ chức tôn giáo, có thể mở rộng các hoạt động có ý nghĩa xã hội và kinh tế hơn.

Sự mở rộng như vậy không chỉ đáp ứng nhu cầu các tổ chức tôn giáo mà còn hòa nhịp, thích ứng hơn đối với thông lệ quốc tế.

*Thứ năm*, cùng với việc mở cửa hội nhập quốc tế, cùng với việc hệ thống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay ngày một mở rộng hơn, quan hệ quốc tế về tôn giáo cũng theo đó đặt ra nhiều vấn đề mới, trong đó có vấn đề *sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài ở Việt Nam. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* đã giải quyết bước đầu vấn đề này. Tuy vậy, chúng ta cần có cái nhìn rộng rãi, sâu sắc hơn về một “sự kiện tôn giáo” mới mẻ này để có những chính sách sát hợp hơn.

Sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã được hơn hai thập niên mà điều quan trọng nhất được nhân dân, được dư luận thế giới công nhận là sự đổi mới về nhận thức, đường lối và chính sách tôn giáo trong thực tế đã thu được những thành tựu đáng kể. Nhưng đồng thời cũng đang đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề mới phải giải quyết một cách nghiêm túc và cấp thiết.

#### **4. Kết luận**

Đã có một cuộc đổi đời, một bước nhảy vọt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta kể từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. 65 năm qua, dân tộc ta và Nhà nước ta đã có hàng loạt những thành tựu vô cùng to lớn trên mọi lĩnh vực góp phần

thay đổi diện mạo và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Chính sách tôn giáo rõ ràng cũng là một thành tựu không thể bỏ qua trong tổng thể những chính sách xã hội của đất nước. Nói cho đúng, nó là một *chính sách công* in dấu rất rõ nét trong thể chế chính trị ở Việt Nam.

Điều quan trọng là Nhà nước ta đã biết khai thác những giá trị truyền thống tốt đẹp về dân tộc và tôn giáo, luôn giữ vững nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin, những căn bản và kinh nghiệm của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo để hoạch định và thực thi chính sách này. Chính vì thế, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, có những thời điểm gay go, quyết liệt để đảm bảo thắng lợi của cách mạng. Cái lõi luận lí của chính sách tôn giáo của Nhà nước ta là khai thác tối đa những giá trị tích cực, mặt đồng thuận của hệ ý thức xã hội với những tư tưởng yêu nước, nhân văn của các tôn giáo và hạn chế tối đa sự lợi dụng tôn giáo vào các âm mưu chính trị của các thế lực thù địch.

Ngày nay, chính sách này đã và đang tiến vào một lộ trình mới: một chính sách tôn giáo thích hợp với một nhà nước pháp quyền XHCN, xã hội dân sự mà chúng ta có nhiều cơ sở để tin tưởng ở những thành tựu tiếp theo. /.